

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TẠI 4 VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2019

Trần Việt Long

Tóm tắt: Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động là một tiến trình quan trọng trong việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong điều kiện Việt Nam, chuyển dịch cơ cấu lao động vẫn còn diễn ra tự phát, chậm và gặp nhiều khó khăn, hạn chế cả về khía cạnh kinh tế và xã hội. Bài viết, dựa trên kết quả Điều tra lao động và việc làm năm 2016 và 2019 của Tổng cục Thống kê, phân tích xu hướng chuyển dịch lao động theo nhóm nghề ở 4 vùng kinh tế trọng điểm nói chung và vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ nói riêng trong giai đoạn 2016-2019.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu lao động; Vùng kinh tế trọng điểm; Vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ.

Đặt vấn đề

Theo Thông cáo báo chí về tình hình lao động việc làm quý 1 năm 2019, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước ước tính là 55,4 triệu người. Trong đó, mức độ tham gia lực lượng lao động của dân cư khu vực nông thôn cao hơn so với thành thị (81,2% so với 68,7%). Ở các nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị đều thấp hơn nông thôn, trong đó chênh lệch nhiều nhất ở nhóm 15-24 tuổi và nhóm từ 50 tuổi trở lên (Tổng cục Thống kê, 2019). Những thông tin này cho thấy, người dân tại khu vực nông thôn gia nhập thị trường lao động sớm hơn và rời bỏ thị trường này muộn hơn khá nhiều so với khu vực thành thị.

Chuyển dịch cơ cấu lao động (CCLĐ) được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, phục vụ đắc lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT), nó vừa là kết quả, vừa là yếu tố thúc đẩy chuyển dịch CCKT, đẩy mạnh công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) và góp phần cân đối lại cung - cầu trên thị trường lao động. Chuyển dịch CCLĐ không chỉ tuân theo các quy luật kinh tế mà còn nhằm

vào các mục tiêu phát triển bền vững, ổn định xã hội, cải thiện môi trường và phát triển con người (Phí Thị Hằng, 2014).

Việt Nam đang là nền kinh tế chuyển đổi và đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm. Gắn liền với quá trình tăng trưởng và phát triển đó là những thay đổi trong cơ cấu kinh tế, kéo theo những thay đổi trong cơ cấu lao động (Vũ Thị Thu Hương, 2017). Thời gian qua, lực lượng lao động có tăng cả về số lượng và chất lượng nhưng quá trình chuyển dịch lao động còn chưa linh hoạt và nhiều bất cập.

Để thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước cũng như tạo mối liên kết và phối hợp trong phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã và đang cố gắng lựa chọn một số tỉnh/thành phố để hình thành nên vùng kinh tế trọng điểm quốc gia có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với tốc độ cao và bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của toàn dân và nhanh chóng đạt được sự công bằng xã hội trong cả nước. Việc hình thành các vùng kinh tế trọng điểm là nhằm đáp

ứng những nhu cầu của thực tiễn nói chung và đòi hỏi của nền kinh tế nước ta nói riêng¹.

Bài viết này phân tích xu hướng chuyển dịch lao động theo nhóm nghề ở 4 vùng kinh tế trọng điểm nói chung và vùng kinh tế trọng điểm ở Nam Bộ nói riêng.

1. Một số khái niệm và nguồn số liệu

Chuyển dịch cơ cấu lao động là quá trình thay đổi tỷ trọng và chất lượng lao động vào các ngành và các vùng khác nhau. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ là quá trình thay đổi tỷ trọng và chất lượng lao động vào các ngành, các vùng theo xu hướng hợp lý nhằm sử dụng đầy đủ và có hiệu quả cao các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế (Trần Xuân Cầu và cộng sự, 2012).

Vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm là vùng có các tỉnh có khả năng đột phá, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với tốc độ cao và bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của toàn dân và nhanh chóng đạt được sự công bằng xã hội trong cả nước². Hiện nay, Việt Nam có 04 vùng kinh tế trọng điểm với 24 tỉnh/thành phố, bao gồm:

+ Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc;

+ Vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định;

+ Vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Tiền Giang;

+ Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long: TP. Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau.

Người lao động: là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động. Theo pháp luật Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi, trừ trường hợp quy định tại Mục 1, Chương XI của Bộ luật Lao động năm 2019. Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035 (Bộ luật Lao động, 2019).

Trong nghiên cứu này, người lao động được xác định là những người trong độ tuổi 15 - 59, trong 7 ngày qua, tính từ thời điểm điều tra, làm công việc từ 1 giờ trở lên có nhận lương; trong 7 ngày qua, tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo thu nhập từ 1 giờ trở lên; trong 7 ngày qua, giúp các thành viên trong gia đình trong công việc họ được nhận tiền công tiền lương từ 1 giờ trở lên.

Nguồn số liệu: bài viết sử dụng bộ số liệu Điều tra lao động việc làm năm 2016 và 2019 do Tổng cục Thống kê tiến hành. Điều tra lao động việc làm là điều tra được thực hiện hàng năm nhằm mục đích thu thập thông tin về tình

¹ Tham khảo tại:

<http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noi dung yungkinhtetrongdiemquocgia?articleId=10000721>

² Các căn cứ pháp lý: các quyết định số 747/1997/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 1997; 1018/1997/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 1997 và 44/1998/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 1998 về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội ba vùng kinh tế trọng điểm quốc gia đến năm 2010, bao gồm tương ứng vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Quyết định số 159/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 ban hành Quy chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương đối với các vùng kinh tế trọng điểm; Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29 tháng 5 năm 2008 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan và Quyết định số 492/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 về việc Phê duyệt Đề án thành lập vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long.

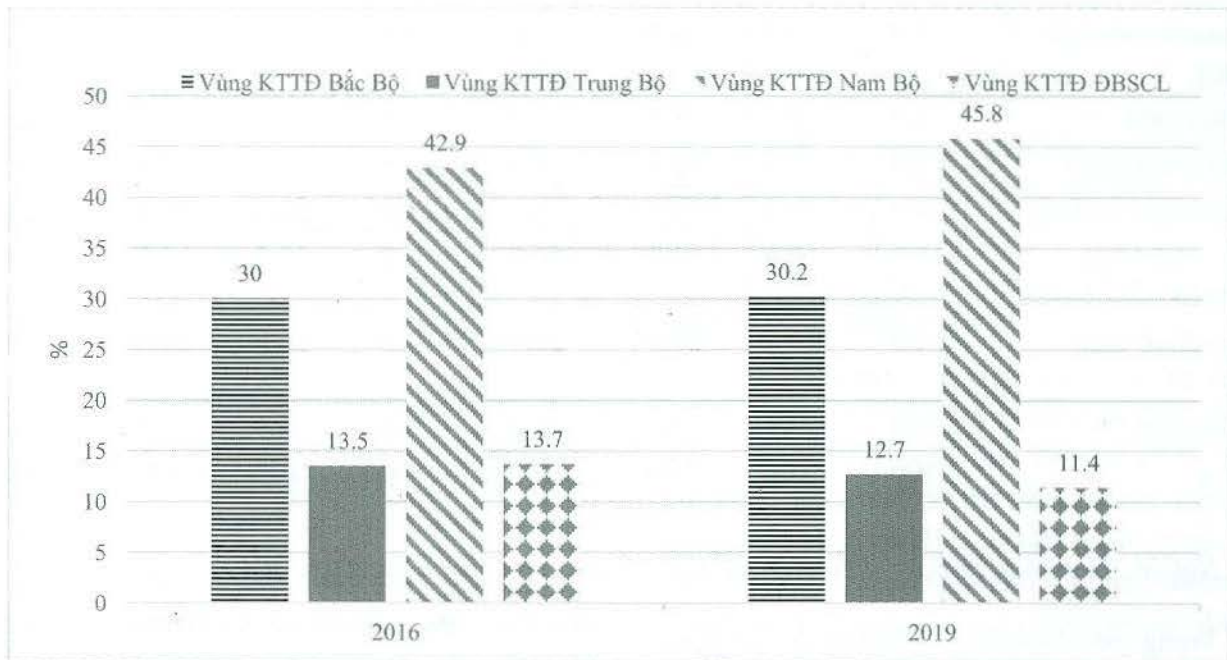
trạng tham gia thị trường lao động của những người từ 15 tuổi trở lên hiện đang sinh sống tại Việt Nam.

2. Chuyển dịch cơ cấu lao động tại các vùng kinh tế trọng điểm

2.1. Chuyển dịch cơ cấu lao động tại các vùng kinh tế trọng điểm

Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động là một yếu tố tạo cầu cho lao động phi nông nghiệp (Võ Thanh Dũng, Nguyễn Văn Sánh, Nguyễn Phú Sơn, Phạm Hải Bửu, 2010). Bài viết này, dựa trên thông tin có sẵn từ số liệu Điều tra lao động việc làm của Tổng cục Thống kê, xem xét chuyển dịch cơ cấu lao động ở các nhóm nghề theo các đặc điểm khác nhau.

HÌNH 1. TỶ LỆ LAO ĐỘNG TRONG ĐỘ TUỔI 15 - 59 TẠI CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2019



Nguồn: Tính toán từ bộ số liệu Điều tra lao động và việc làm năm 2016, 2019

Hình 1 cho thấy, giai đoạn 2016-2019, tỷ lệ lao động vùng KTTĐ Nam Bộ là cao nhất và có xu hướng gia tăng (từ 42,9% năm 2016 lên 45,8% năm 2019). Ngoài ra, trong giai đoạn này, tỷ lệ lao động vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng có xu hướng gia tăng (từ 30% năm 2016 lên 30,2% năm 2019). Còn lại, tỷ lệ lao động vùng KTTĐ Trung Bộ và vùng KTTĐ ĐBSCL có xu hướng giảm (từ 13,5% năm 2016 xuống còn 12,7% năm 2019 đối với vùng KTTĐ Trung Bộ; từ 13,7% năm 2016 xuống còn 11,4% năm 2019 đối với vùng KTTĐ ĐBSCL). Các số liệu này cho thấy, lao động có xu hướng di chuyển tới hai vùng kinh tế trọng điểm phát triển hơn là

vùng KTTĐ Nam Bộ và Bắc Bộ. Hai vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Nam Bộ cũng cho thấy vị trí là hai khu vực phát triển phát triển hơn trong cả nước và có sức hút đối với lao động ở các vùng kinh tế khác.

Bảng 1 cho thấy cơ cấu nghề nghiệp của mỗi vùng KTTĐ. Dựa vào mã nghề mà Tổng cục Thống kê ban hành, các phân tích trong báo cáo này dựa trên khung phân loại nghề thành 9 nhóm, cụ thể là: 1) lãnh đạo, quản lý, 2) chuyên môn bậc cao, 3) chuyên môn bậc trung, 4) nhân viên, 5) thợ công nhân, 6) buôn bán, dịch vụ, 7) tiểu thủ công nghiệp, 8) lao động giản đơn, 9) nông dân.

BẢNG 1. CƠ CẤU LAO ĐỘNG 15-59 TUỔI THEO NHÓM NGHỀ TẠI 4 VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2019 (%)

	2016				2019			
	Bắc Bộ	Trung Bộ	Nam Bộ	ĐBSCL	Bắc Bộ	Trung Bộ	Nam Bộ	ĐBSCL
Lãnh đạo, quản lý	2,2	1,4	1,3	0,8	2,1	1,5	1,1	0,9
Chuyên môn bậc cao	13,4	7,3	10,0	4,6	15,5	8,3	11,1	5,1
Chuyên môn bậc trung	4,0	3,7	4,0	2,0	4,8	4,0	5,4	2,2
Nhân viên	2,7	2,2	3,5	1,8	3,0	2,4	3,3	2,0
Thợ công nhân	14,3	7,8	19,4	4,4	18,5	10,8	22,4	5,5
Buôn bán, dịch vụ	20,9	20,4	21,9	20,6	21,0	22,4	20,6	22,1
Tiểu thủ công nghiệp	16,8	17,1	14,9	10,1	16,8	18,2	15,1	13,6
Lao động giản đơn	24,3	26,8	21,5	28,9	17,8	26,0	18,0	30,8
Nông dân	1,4	13,4	3,6	26,9	0,5	6,4	2,9	17,8
Tổng	100	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tính toán từ bộ số liệu điều tra lao động và việc làm năm 2016, 2019.

Trong giai đoạn 2016-2019, tỷ lệ lao động làm việc trong các nhóm nghề ở các vùng KTTĐ có sự thay đổi rõ rệt.

Xét theo vùng KTTĐ:

Tại vùng KTTĐ Bắc Bộ, tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm nghề chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; nhân viên; thợ công nhân; buôn bán dịch vụ có xu hướng gia tăng, nhóm nghề lãnh đạo quản lý; lao động giản đơn; nông dân có xu hướng giảm, trong khi đó, nhóm nghề tiểu thủ công nghiệp vẫn giữ nguyên tỷ lệ lao động.

Tại vùng KTTĐ Trung Bộ, tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm nghề lãnh đạo quản lý; chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; nhân viên; thợ công nhân; buôn bán dịch vụ;

tiểu thủ công nghiệp có xu hướng gia tăng, trong khi đó chỉ có nhóm nghề lao động giản đơn; nông dân có xu hướng giảm.

Tại vùng KTTĐ Nam Bộ, tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm nghề chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; thợ công nhân; tiểu thủ công nghiệp có xu hướng gia tăng, nhóm nghề lãnh đạo quản lý; nhân viên; buôn bán dịch vụ; lao động giản đơn; nông dân có xu hướng giảm.

Tại vùng KTTĐ ĐBSCL, tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm nghề lãnh đạo quản lý; chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; nhân viên; thợ công nhân; buôn bán dịch vụ; tiểu thủ công nghiệp; lao động giản đơn có xu hướng gia tăng và chỉ có nhóm nghề nông dân có xu hướng giảm.

Xét trong từng nhóm nghề:

Với nhóm nghề lãnh đạo, quản lý, vùng KTTĐ Bắc Bộ có tỷ lệ lao động trong nhóm nghề này cao nhất, 2,2% năm 2016 và 2,1% năm 2019. Trung Bộ là vùng có tỷ lệ lao động làm nghề lãnh đạo, quản lý cao thứ 2, tương ứng 1,4% năm 2016 và 1,5% năm 2019. Vùng KTTĐ Nam Bộ có tỷ lệ này dao động ở 1,1 - 1,3% lao động trong khi ở vùng ĐBSCL có tỷ lệ lãnh đạo, quản lý khiêm tốn hơn, tương ứng 0,8 và 0,9.

Ở nhóm nghề chuyên môn bậc cao, vùng KTTĐ Bắc Bộ vẫn đứng đầu với tỷ lệ lao động làm nghề này là 13,4% năm 2016, tăng lên 15,5% năm 2019. Vùng KTTĐ Nam Bộ đứng thứ 2 với tỷ lệ làm chuyên môn bậc cao tương ứng là 10% và 11,1% trong hai năm 2016 và 2019. Xếp thứ ba là vùng KTTĐ Trung Bộ và cuối cùng là ĐBSCL.

Buôn bán, dịch vụ là nhóm nghề chiếm tới 1/5 lao động trung bình tại mỗi vùng. Đặc biệt, tỷ lệ người lao động trong nghề buôn bán, dịch vụ tương đối ổn định ở các vùng KTTĐ.

Trong khi đó, lao động giản đơn cũng là nghề còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động (dao động trong khoảng 1/5 đến 1/4 tổng lao động). Tuy nhiên, đây là nhóm nghề có sự thay đổi trong giai đoạn xem xét với xu hướng giảm dần tỷ trọng. Cả ba vùng KTTĐ Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ đều chứng kiến sự giảm dần tỷ trọng loại nghề này. Hai vùng Bắc Bộ và Nam Bộ có tốc độ giảm khá tương đồng, giảm khoảng 7 điểm phần trăm trong giai đoạn 2016-2019, hiện ở mức 18% ở cả 2 vùng. ĐBSCL là vùng KTTĐ duy nhất mà tỷ lệ lao động giản đơn tăng và hiện vẫn ở mức cao. Tăng từ 28,9% năm 2016 lên 30,8% năm 2019.

Bên cạnh đó, nhóm nghề nông dân đã có xu hướng giảm ở cả 4 vùng KTTĐ trong giai đoạn này (2016-2019). ĐBSCL, vựa lúa của cả

nước, có tỷ trọng nông dân cao nhất cũng chỉ còn 17,8% vào năm 2019. Đô thị hóa đang có những ảnh hưởng lớn đến quá trình chuyển dịch lao động, sự thay đổi quyền sử dụng đất tại các xã là một yếu tố quan trọng tác động đến cơ cấu nghề nghiệp của người lao động. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Minh (2003) cho thấy, từ năm 1990 đến nay, do nhu cầu sử dụng đất của thành phố để xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư và cho các mục đích phát triển đô thị khác, diện tích đất nông nghiệp của các xã vùng ven đô giảm đáng kể. Trong một thời gian không xa, các xã quanh khu vực ven đô sẽ không còn đất nông nghiệp để sản xuất và việc chuyển đổi nghề nghiệp, cũng như chuyển dịch cơ cấu lao động là một tất yếu.

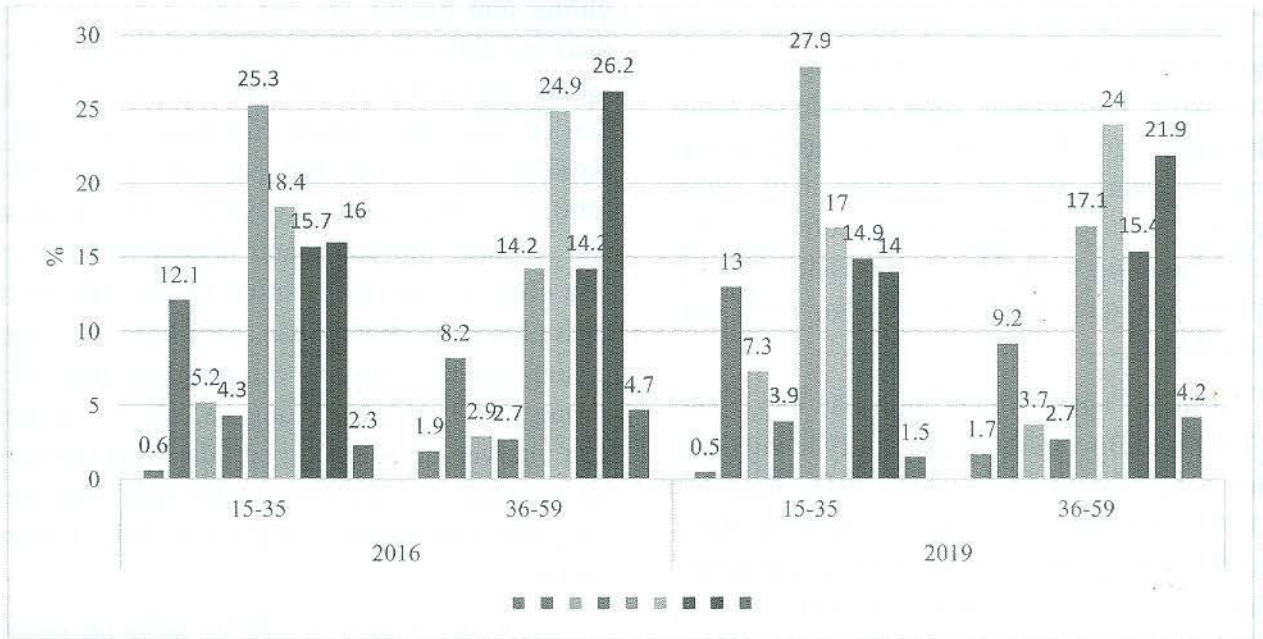
2.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động tại vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ

Phần nội dung tiếp theo sẽ đi sâu phân tích sự dịch chuyển lao động trong các nhóm nghề của vùng KTTĐ Nam Bộ. Vùng KTTĐ Nam Bộ được lựa chọn do đây là khu vực thu hút tới gần 1/2 tổng lao động ở tất cả các vùng. Sự dịch chuyển lao động ở khu vực này sẽ mang tính định hướng đối với sự dịch chuyển chung của lao động ở tất cả các vùng.

Hình 2 thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động nghề nghiệp trong giai đoạn 2016-2019 ở vùng KTTĐ Nam Bộ theo 2 nhóm tuổi (15-35 tuổi và 36-59 tuổi), cho thấy sự khác biệt trong cơ cấu nghề nghiệp theo tuổi và theo thời gian.

Cụ thể, công việc chuyên môn bậc cao phổ biến ở nhóm lao động trẻ tuổi 15-35 hơn là nhóm tuổi 36-59. Xu thế này phổ biến ở cả 2 năm là 2016 và 2019. Ngoài ra, tỷ lệ lao động vùng KTTĐ Nam Bộ làm công việc chuyên môn bậc cao có xu hướng tăng dần theo thời gian.

HÌNH 2. CƠ CẤU LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CHIA THEO NHÓM TUỔI TẠI VÙNG KTTĐ NAM BỘ GIAI ĐOẠN 2016 - 2019



Nguồn: Tính toán từ bộ số liệu điều tra lao động và việc làm năm 2016, 2019.

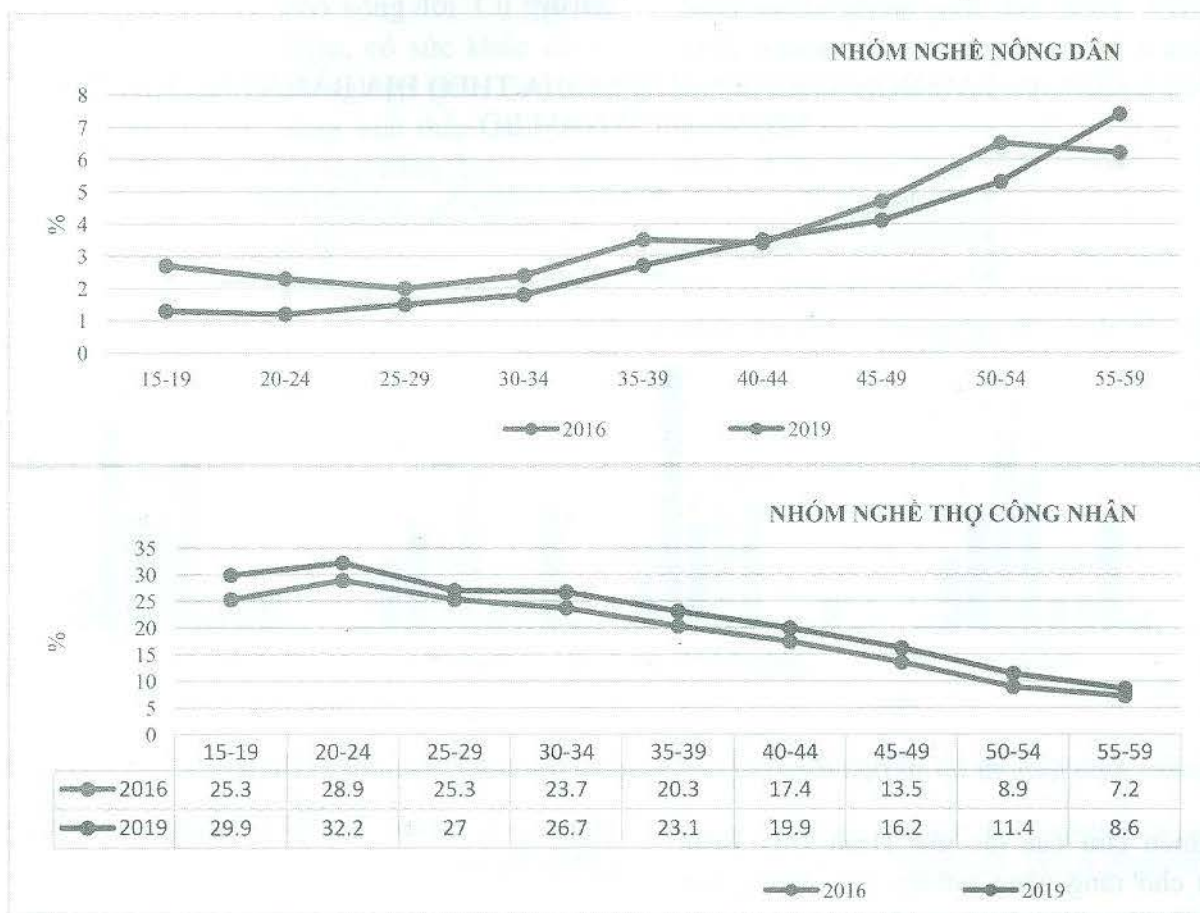
Với thợ công nhân, nhóm tuổi 15-35 làm công việc này với tỷ lệ cao hơn so với nhóm tuổi 36-59 (khoảng 1/4). Điều này có thể lý giải làm thợ công nhân đòi hỏi cường độ lao động và sử dụng sức lực cao nên phù hợp hơn với tuổi trẻ. Hơn nữa, với độ tuổi 36-59, với kinh nghiệm làm việc lâu hơn, lao động có thể có lựa chọn công việc khác tốt hơn và phù hợp với tuổi hơn. Ngược lại, với nghề buôn bán, dịch vụ, nhóm thanh niên lựa chọn với tỷ lệ khoảng 18%. Tỷ lệ lựa chọn nghề buôn bán, dịch vụ tăng lên đạt 24% ở nhóm tuổi lớn hơn 36-59.

Để thấy, những nhóm nghề nghiệp như lãnh đạo, quản lý; buôn bán, dịch vụ; lao động giản đơn và nông dân có tỷ lệ lao động giảm trong giai đoạn này ở cả 2 nhóm tuổi. Ngược lại, tỷ lệ làm trong nhóm nghề chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; thợ công nhân có xu hướng gia tăng trong cả 2 nhóm tuổi. Ngoài ra, có sự chuyển dịch không đồng nhất của nhóm tiêu thủ công nghiệp và nhân viên ở 2

nhóm tuổi. Cụ thể, đối với nhóm tiêu thủ công nghiệp, độ tuổi từ 15-35 tuổi, tỷ lệ lao động trong nhóm nghề này có xu hướng giảm (15,7% năm 2016 xuống còn 14,9% năm 2019), độ tuổi từ 36-59 tuổi có xu hướng gia tăng (14,2% năm 2016 lên 15,4% năm 2019). Nhóm nhân viên, tỷ lệ lao động trong độ tuổi 15-35 có xu hướng giảm (4,3% năm 2016 xuống còn 3,9% năm 2019), độ tuổi từ 36-59 tuổi, tỷ lệ lao động không thay đổi (đều là 2,7% trong năm 2016 và 2019).

Hình 3 cung cấp những quan sát sâu hơn theo các nhóm tuổi về sự dịch chuyển cơ cấu lao động ở nhóm nghề nông dân và thợ công nhân. Tỷ lệ người lao động làm các công việc có liên quan đến nhóm nghề nông dân thấp khi ở độ tuổi từ 15-29 do khi còn trẻ, lao động có nhiều lựa chọn và có thể chuyển dịch sang các nhóm nghề khác. Tuy nhiên, nhóm người lao động trong độ tuổi lớn hơn lại có xu hướng tham gia các công việc có liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cao hơn.

HÌNH 3. CƠ CẤU LAO ĐỘNG NHÓM NGHỀ NÔNG DÂN VÀ NGHỀ THỢ CÔNG NHÂN THEO NHÓM TUỔI TẠI VÙNG KTTĐ NAM BỘ



Nguồn: Tính toán từ bộ số liệu điều tra lao động và việc làm năm 2016, 2019.

Đối với nhóm nghề thợ công nhân, nhóm tuổi từ 15-24 có tỷ lệ lao động trong nghề này cao và nhóm tuổi lớn hơn lại có tỷ lệ làm thợ công nhân giảm dần theo thời gian. Điều này cho thấy, tuổi càng cao thì người lao động càng có xu hướng lựa chọn nhóm nghề nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản làm phương án an toàn. Trong khi đó, nghề thợ công nhân đòi hỏi sức khỏe, cường độ làm việc cao nên phù hợp hơn với lao động trẻ. Đây cũng là một biểu hiện của quy luật cung cầu của thị trường lao động. Tuổi càng cao thì khả năng tìm kiếm các việc làm ở nhóm nghề phi nông nghiệp (thợ công nhân, dịch vụ và bán hàng, quản lý nhà nước, chính trị và an ninh quốc phòng...)

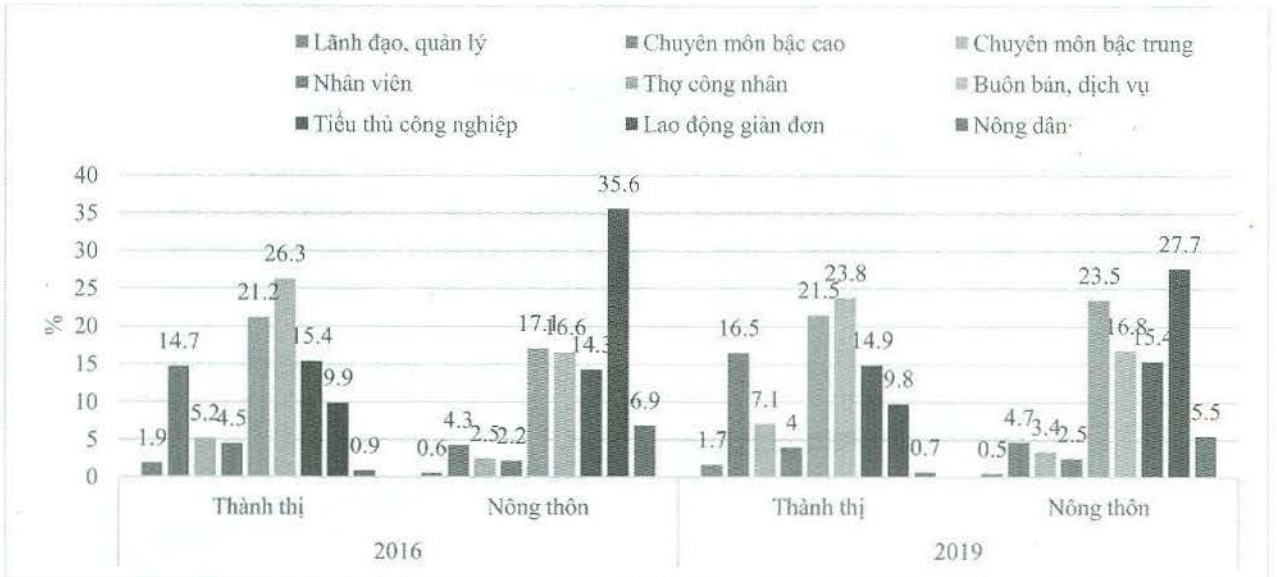
càng khó (Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Minh Hiền, 2014).

Sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp giữa thành thị và nông thôn tại vùng KTTĐ Nam Bộ (Hình 4) cho thấy 2 xu hướng rõ rệt: nhóm nghề cấp cao (lãnh đạo, quản lý; chuyên môn bậc cao...) phổ biến ở khu vực đô thị trong khu nhóm nghề đơn giản/phổ thông phổ biến ở khu vực nông thôn. Đặc biệt, tỷ lệ lao động ở có 2 nhóm nghề là lao động giản đơn và nông dân ở nông thôn cao hơn thành thị trong giai đoạn 2016-2019. Tuy nhiên, xu thế chung thì tỷ lệ lao động ở 2 nhóm nghề này có xu hướng giảm ở cả thành thị và nông thôn. Cụ thể, tỷ lệ lao động làm nhóm nghề lao động giản đơn ở thành thị giảm từ 9,9% năm 2016

xuống còn 9,8% năm 2019 và ở nông thôn giảm từ 35,6% năm 2016 xuống còn 27,7% năm 2019. Tỷ lệ lao động trong nhóm nghề nông dân ở thành thị giảm từ 0,9% năm 2016

xuống còn 0,7% năm 2019 và ở nông thôn giảm từ 6,9% năm 2016 xuống còn 5,5% năm 2019).

HÌNH 4. CƠ CẤU LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CHIA THEO ĐỊA BÀN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM NAM BỘ



Nguồn: Tính toán từ bộ số liệu điều tra lao động và việc làm năm 2016, 2019.

Nghiên cứu của tác giả Trịnh Duy Luân (2016) cho rằng công nghiệp hóa, thông qua sự cơ động xã hội và di cư nông thôn - đô thị đã làm thay đổi cấu trúc lao động nghề nghiệp theo hướng tăng tỷ lệ lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, nông thôn.

Kết luận

Nhìn chung, giai đoạn 2016-2019 có sự chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các nhóm nghề ở 4 vùng kinh tế trọng điểm nói chung và vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ nói riêng. Xét chung 4 vùng kinh tế trọng điểm, vùng KTTĐ Nam Bộ có tỷ lệ lao động cao nhất và tỷ lệ này có xu hướng gia tăng trong giai đoạn xem xét. Cùng với đó, vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng có tỷ lệ lao động gia tăng. Còn lại, tỷ lệ lao động của vùng KTTĐ Trung Bộ và vùng KTTĐ ĐBSCL cũng có xu hướng giảm. Điều đáng chú, nhóm nghề nông dân có xu hướng

giảm ở cả 4 vùng KTTĐ trong giai đoạn này (2016-2019).

Về nhóm tuổi, trong giai đoạn 2016-2019, ở 2 nhóm tuổi (15-35 tuổi và 36-59 tuổi), các nghề nghiệp như lãnh đạo, quản lý; buôn bán, dịch vụ; lao động giản đơn và nông dân có tỷ lệ lao động giảm trong giai đoạn. Ngược lại, tỷ lệ làm trong nhóm nghề chuyên môn bậc cao; chuyên môn bậc trung; công nhân có xu hướng gia tăng trong cả 2 nhóm tuổi.

Rõ ràng, ở các chiều phân tổ khác nhau, số liệu đều cho thấy sự dịch chuyển cơ cấu lao động giữa các nhóm nghề. Nhóm nghề bậc trung, bậc cao có xu thế được người lao động lựa chọn nhiều hơn, đồng thời, cũng thể hiện trình độ, năng lực của lao động có xu thế tăng dần. Kết quả phân tích phản ánh đúng xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động từ nhóm nghề có năng suất thấp sang nhóm nghề có năng suất cao hơn.

Bên cạnh đó, kết quả so sánh giữa các nhóm tuổi cũng cho thấy bằng chứng của xu hướng nghề nghiệp theo vòng đời. Cụ thể, lao động trẻ, ít kinh nghiệm, có sức khỏe có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp giản đơn, các nhóm nghề sơ cấp, năng suất thấp. Lao động tuổi cao hơn, có tích lũy năng lực và kinh nghiệm có cơ hội làm việc ở các nhóm nghề trung và cao cấp nhiều hơn.

Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu lao động theo nghề nghiệp tại vùng KTTĐ Nam Bộ cũng như cả 4 vùng KTTĐ hiện đang còn

chậm, tỷ trọng lao động trong các nghề sơ cấp, đa phần là lao động giản đơn hiện vẫn cao. Do vậy, cần có những giải pháp mạnh mẽ và căn cơ hơn nhằm đẩy mạnh xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động sang các nhóm nghề nghiệp có năng suất lao động cao hơn và có giá trị gia tăng nhiều hơn. Nền kinh tế nước ta muốn chuyển hẳn sang mô hình phát triển theo chiều sâu cũng rất cần dựa trên cơ cấu nghề nghiệp hợp lý của lực lượng lao động với cấu thành chủ yếu từ lực lượng lao động chất lượng cao.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Minh (2003). Biến đổi kinh tế - xã hội ở vùng ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa. *Tạp chí Xã hội học*, Số 1.
2. Phí Thị Hằng (2014). *Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành ở Thái Bình trong giai đoạn hiện nay*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019). *Bộ luật Lao động*. Bộ luật số 45/2019/QH14.
4. Trịnh Duy Luân (2016). Một số chiều cạnh trong biến đổi cấu trúc xã hội ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4 (136), tr.18-27.
5. Tổng cục thống kê (2019), *Thông cáo báo chí về tình hình lao động việc làm quý I năm 2019*. Truy cập từ website: <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19136>. Ngày truy cập: 15/10/2020.
6. Trần Xuân Cầu và cộng sự (2012). *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*. Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
7. Trần Thị Minh Phương và Nguyễn Thị Minh Hiền (2014), Các yếu tố ảnh hưởng khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn thành phố Hà Nội, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, tập 12, Số 6.
8. Võ Thanh Dũng, Nguyễn Văn Sánh, Nguyễn Phú Sơn, Phạm Hải Bửu (2010). Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và tác động của sự chuyển dịch này đến nông hộ ở thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học*, 16b. tr. 291-300.
9. Vũ Thị Thu Hương (2017). *Chuyển dịch cơ cấu lao động tại Việt Nam: Các yếu tố tác động và vai trò đối với tăng trưởng kinh tế*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thông tin tác giả:

1. Trần Việt Long, ThS.

- Đơn vị công tác: Viện Xã hội học

- Địa chỉ email: tranlong.ussh@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/7/2020

Ngày nhận bản sửa: 8/10/2020

Ngày duyệt đăng: 1/11/2020